

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2021/HS-ST
Ngày: 01 - 4 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Ngọc Sử và Ông Vũ Văn Diệm

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Bà Châu Thị Ngọc - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Đỗ Hoàng L (tên gọi khác: B), sinh năm 1992 tại Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Thiên chúa giáo, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đỗ Quang D (đã chết) và bà Võ Thị H, sinh năm 1974, bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1996 và 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/12/2020 cho đến ngày 08/02/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh “bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa”.

Người bị hại:

Ông Lương Phú T, sinh năm 1984; nơi cư trú khu phố 02, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “có đơn xin vắng mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đỗ Trường G, sinh năm 1994; nơi cư trú khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1953; nơi cư trú khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1978; nơi cư trú khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 07/12/2020, anh Lương Phú T điều khiển xe ô tô biển số 93A – 007.79 đến quán ăn “Dũng M” để ăn cơm, sau khi ăn cơm xong anh T có việc đi ra ngoài nên gửi xe ô tô tại quán, lúc này anh T đưa chìa khóa xe ô tô cho ông Nguyễn Văn M là bảo vệ quán ăn giữ gìn. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày Đỗ Hoàng L là nhân viên phục vụ của quán ăn hỏi ông M mượn chìa khóa xe ô tô của anh T để lên xe nằm chơi, ông M đồng ý đưa chìa khóa cho L. Lúc này, L mở cửa xe ô tô lên ghế trước ngồi sử dụng điện thoại đi động. Tại đây L nhìn thấy vị trí hộc để đồ giữa hai ghế phía trước có để một cái ví da nam màu đen nên nảy sinh ý định chiếm đoạt cái ví để lấy tiền tiêu xài, L bỏ ví da vào túi quần rồi xuống xe khóa cửa lại, sau đó mang chìa khóa xe để tại quầy tính tiền của quán ăn. Sau đó, L gọi qua ứng dụng messenger cho bạn tên M (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đến chở L đi nhậu. M đồng ý và điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đến quán “Dũng M”, tại đây L đưa cái ví da vừa lấy trộm được cho M nhờ giữ gìn rồi lên phòng thay quần áo. Khi L đi ra thì M đưa cái ví lại cho L rồi điều khiển xe mô tô bỏ đi, còn L đi nhậu với bạn ngoài xã hội (không rõ nhân thân, lai lịch). Đến khoảng 02 giờ ngày 08/12/2020 L quay lại quán “Dũng M” để ngủ.

Khoảng 07 giờ ngày 08/12/2020 L đón xe về thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước và tiêu hết số tiền 7.000.000 đồng mà L lấy trộm của anh T, chiều cùng ngày, L mở cái ví ra kiểm tra thì thấy bên trong có 976 USD (chín trăm bảy mươi sáu đô la Mỹ), giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, bằng lái xe ô tô, thẻ ngân hàng của anh T. Đến ngày 09/12/2020, L đã đến Công an thành phố Đ đầu thú và giao nộp số tiền 7.000.000 đồng cùng toàn bộ số tài sản đã chiếm đoạt.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 205 ngày 15/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ kết luận 976 USD (chín trăm bảy mươi sáu đô la Mỹ) có giá trị là 22.565.120 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ: 976 USD (chín trăm bảy mươi sáu đô la Mỹ) trong đó có 08 (tám) tờ tiền đô la Mỹ mỗi tờ mệnh giá 100 USD; 02 (hai) tờ tiền đô la Mỹ mỗi tờ mệnh giá 50 USD; 02 (hai) tờ tiền đô la Mỹ mỗi tờ mệnh giá 20 USD; 02 (hai) tờ tiền đô la Mỹ mỗi tờ mệnh giá 10 USD; 01 (một) tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 5 USD; 05 (năm) tờ tiền đô la Mỹ mỗi tờ mệnh giá 2 USD; 01 (một) tờ tiền đô la Mỹ mệnh giá 1 USD; tiền mặt là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng); 02 (hai) giấy phép lái xe; 01 (một) căn cước công dân; 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Lương Phú T; 03 (ba) thẻ Visa; 02 (hai) thẻ ATM; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki, loại Satria, BS: 93P2-28746; 01 (một) điện thoại Vinsmart màu xám.

Ngày 10/12/2020, ngày 11/12/2020 và ngày 17/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho người bị hại anh Lương Phú T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Trường G số tài sản đã thu giữ.

Tại Bản cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 04/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đ truy tố bị cáo Đỗ Hoàng L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Hoàng L mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo Đỗ Hoàng L tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 04/02/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu, kết luận điều tra, cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Lợi dụng anh Lương Phú T sơ hở trong việc để chiếc ví da trong hộc đồ giữa hai ghế phía trước xe ô tô biển số 93A – 007.79 gửi nhờ tại quán ăn “Dũng M” nên khoảng 22 giờ ngày 07/12/2020 Đỗ Hoàng L đã mượn chìa khóa xe từ ông Nguyễn Văn M là bảo vệ quán ăn để lên xe ngồi chơi, rồi lén lút lấy trộm số tiền 7.000.000 đồng, 976 USD (chín trăm bảy mươi sáu đô la Mỹ), giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân, bằng lái xe ô tô, thẻ ngân hàng của anh T.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 205 ngày 15/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Đ kết luận 976 USD (chín trăm bảy mươi sáu đô la Mỹ) có giá trị là 22.565.120 đồng.

[3] Căn cứ vào hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo chiếm đoạt số tiền và đô la mỹ với tổng giá trị 29.565.120 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo là người đã thành niên, hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích vụ lợi cá nhân mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, là khách thể được pháp luật bảo vệ. Vì vậy cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội bị cáo gây ra mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại nên chưa gây thiệt hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện còn đang bị bệnh liên quan đến tuyến giáp. Đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; người bị hại cũng có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Sau khi phạm tội bị cáo cũng đã bị tạm giữ, tạm giam một thời gian từ ngày 09/12/2020 đến ngày 08/02/2021 cũng đã đủ để bị cáo nhận thức được hành vi sai trái, do đó không cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo để giáo dục mà chỉ cần lên cho bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại anh Lương Phú T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Trường G đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Nguyễn Văn M là người đưa chìa khóa xe ô tô anh T cho bị cáo L mượn lên xe chơi nhưng ông M không biết bị cáo trộm cắp tài sản trên xe anh T nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với người tên M nhận ví da do L lấy trộm của anh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ chưa xác minh được nhân thân, lai lịch nên cần tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý theo quy định

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Hoàng L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Đỗ Hoàng L 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên giao bị cáo Đỗ Hoàng L cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 2 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Do các bên không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo L phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- UBND thị trấn L, huyện L;
- CA thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Lê Văn An